

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA HÒA PHÁT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021
(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	06 - 32
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 32

CHỖ
CÓ
HÃNG
TÀI

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Hòa Phát (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Hòa Phát được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0400459486 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 21 tháng 01 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 157 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Quốc Kỳ Quang	Chủ tịch	
Ông Trần Hoàng Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2021
Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên	
Ông Vương Quang Hưng	Thành viên	
Ông Phạm Duy	Thành viên	
Ông Trần Công Vinh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2021

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Duy	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Tuấn Anh	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Mai	Thành viên
Ông Hồ Phú Cường	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Duy

Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 07 năm 2021

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Hòa Phát

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Hòa Phát được lập ngày 30 tháng 07 năm 2021, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trong yếu tố gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Hòa Phát tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Hòa Phát đã được soát xét và kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này tại ngày 10 tháng 08 năm 2020 và ngày 22 tháng 03 năm 2021.



Chi nhánh Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC

Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2018-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		18.376.185.410	17.916.883.834
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	640.817.779	3.158.680.390
111	1. Tiền		640.817.779	3.158.680.390
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		16.490.215.473	13.363.704.585
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	1.119.831.856	666.909.469
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	-	107.500.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	12.600.000.000	12.605.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	2.807.003.352	20.914.851
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(99.176.443)	(99.176.443)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		62.556.708	62.556.708
140	IV. Hàng tồn kho	10	837.662.904	1.163.473.648
141	1. Hàng tồn kho		907.454.340	1.233.265.084
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(69.791.436)	(69.791.436)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		407.489.254	231.025.211
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	336.800.173	190.967.196
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	70.689.081	40.058.015
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		905.697.334.811	2.816.142.229
220	II. Tài sản cố định		1.757.159.919	2.090.361.073
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.148.019.919	1.481.221.073
222	- Nguyên giá		24.556.565.017	25.174.128.653
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(23.408.545.098)	(23.692.907.580)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	609.140.000	609.140.000
228	- Nguyên giá		609.140.000	609.140.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	903.872.294.422	606.896.800
251	1. Đầu tư vào công ty con		902.540.000.000	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.349.992.882	685.372.905
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(17.698.460)	(78.476.105)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		67.880.470	118.884.356
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	67.880.470	118.884.356
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		924.073.520.221	20.733.026.063

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.585.815.282	952.789.490
310	I. Nợ ngắn hạn		1.585.815.282	952.789.490
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	593.593.700	450.176.064
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	97.030.695	26.371.977
314	3. Phải trả người lao động		314.338.625	392.401.705
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	16	580.852.262	83.839.744
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		922.487.704.939	19.780.236.573
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	922.487.704.939	19.780.236.573
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		918.049.800.000	18.049.800.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		918.049.800.000	18.049.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.686.327.380	(60.093.500)
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(914.353.746)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		1.914.347.993	1.914.347.993
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		837.229.566	790.535.826
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		790.535.826	625.978.112
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		46.693.740	164.557.714
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		924.073.520.221	20.733.026.063



Mai Thị Thúy Kiều
Người lập



Đỗ Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Phạm Duy
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 30 tháng 07 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	3.998.241.821	5.595.961.311
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.998.241.821	5.595.961.311
11	4. Giá vốn hàng bán	19	3.764.607.074	4.995.087.528
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		233.634.747	600.873.783
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	579.857.710	606.944.810
22	7. Chi phí tài chính	21	26.168.770	31.663.926
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	22	19.668.182	2.000.000
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	794.998.026	836.079.249
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(27.342.521)	338.075.418
31	11. Thu nhập khác	24	78.683.592	-
32	12. Chi phí khác	25	2.610.496	1.626.622
40	13. Lợi nhuận khác		76.073.096	(1.626.622)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		48.730.575	336.448.796
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	2.036.835	58.201.884
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		46.693.740	278.246.912

Mai Thị Thúy Kiều
Người lập

Đỗ Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Phạm Duy
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 30 tháng 07 năm 2021



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		48.730.575	336.448.796
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		114.995.337	263.497.584
03	- Các khoản dự phòng		(60.777.645)	29.218.541
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(547.432.751)	(604.506.708)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(444.484.484)	24.658.213
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(2.631.454.996)	(1.307.908.659)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		325.810.744	201.902.278
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		113.025.792	1.204.284.922
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(94.829.091)	61.698.102
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(32.667.901)	(3.340.805)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	5.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(434.124.137)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.764.599.936)	(247.830.086)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		272.727.273	-
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		5.000.000	-
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(902.937.010.000)	(247.650.000)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		196.040.000	150.510.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		49.205.426	77.006.725
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(902.414.037.301)	(20.133.275)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		902.660.774.626	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		902.660.774.626	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(2.517.862.611)	(267.963.361)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.158.680.390	555.156.565
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	640.817.779	287.193.204


Mai Thị Thúy Kiều
Người lập


Đỗ Tuấn Anh
Kế toán trưởng


Phạm Duy
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 30 tháng 07 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Hòa Phát được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0400459486 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 21 tháng 01 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 157 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 918.049.800.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 918.049.800.000 đồng; tương đương 91.804.980 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là: 51 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 54 người).

Lĩnh vực kinh doanh

In ấn sách và ấn phẩm.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- In ấn: In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các loại giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu: Sản xuất các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm;
- Bán buôn kinh doanh khác chưa được phân vào đâu: bán buôn các loại sản phẩm giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm, bán buôn vật tư thiết bị ngành in, bán buôn thiết bị, dụng cụ giáo dục, nhập khẩu vật tư, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Hoạt động xuất bản khác: Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành lịch, sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: bán buôn sách;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất thiết bị, dụng cụ giáo dục.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

- Trong kỳ, Công ty đã phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 18,049 tỷ VND lên 918,049 tỷ VND để đầu tư vào Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer ("Hưng Vượng") với mục đích mở rộng ngành nghề kinh doanh sang đầu tư kinh doanh bất động sản. Theo đó Công ty đã mua lại 62,75% cổ phần của Hưng Vượng với giá mua là 902,020 tỷ VND (số vốn điều lệ tại thời điểm mua của Hưng Vượng là 1.208 tỷ VND). Tại ngày 11/01/2021, Hưng Vượng chính thức trở thành công ty con của Công ty với tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết là 62,75%.

- Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1404/2021/NQ-HDQT ngày 14 tháng 04 năm 2021, Công ty đã mua lại 52,00% cổ phần của Công ty Cổ phần In sách Hòa Phát với giá mua là 520 triệu VND. Công ty này hoạt động trong lĩnh vực in ấn với số vốn điều lệ tại thời điểm mua là 1 tỷ VND. Tại ngày 15/04/2021, Công ty Cổ phần In sách Hòa Phát chính thức trở thành công ty con của Công ty với tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết là 52,00%.

Thông tin về các công ty con của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con: căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|---------------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 08 - 15 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 15 - 16 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10 năm |
| - Quyền sử dụng đất lâu dài | Không tính khấu hao |

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 8 đến 24 tháng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.13 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.14 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.15 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ

2.18 . Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực in ấn sách giáo khoa và diễn ra trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	4.944.696	6.864.523
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	635.873.083	3.151.815.867
	<u>640.817.779</u>	<u>3.158.680.390</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Mã chứng khoán	30/06/2021			01/01/2021		
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con							
- Công ty Cổ phần Hưng Vương Developer (*)		902.540.000.000		-	-	-	
- Công ty Cổ phần In sách Hòa Phát (*)		902.020.000.000		-	-	-	
		520.000.000		-	-	-	
Đầu tư vào đơn vị khác							
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	DAD	1.349.992.882	1.378.873.600	(17.698.460)	685.372.905	516.896.800	(78.476.105)
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh	STC	103.117.260	90.000.000	(13.117.260)	117.553.675	84.930.000	(32.623.675)
		156.314.022	181.000.000	-	187.576.022	158.400.000	(29.176.022)
- Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Đà Nẵng	DAE	76.136.800	102.500.000	-	106.591.520	100.800.000	(5.791.520)
- Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Hà Nội	EBS	7.414.800	2.833.600	(4.581.200)	7.414.800	2.186.800	(5.228.000)
- Công ty cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	DGT	917.010.000	1.002.540.000	-	117.920.000	117.920.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An	DIH	-	-	-	12.330.000	12.330.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	EID	-	-	-	45.986.888	40.330.000	(5.656.888)
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Ngãi (*)		60.000.000		-	60.000.000		-
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung (*)		30.000.000		-	30.000.000		-
		903.889.992.882	1.378.873.600	(17.698.460)	685.372.905	516.896.800	(78.476.105)

Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Hòa Phát

157 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Giá trị hợp lý là giá đóng cửa tại ngày 01/01/2021 và 30/06/2021 của các cổ phiếu được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn giao dịch UPCoM.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2021 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer ⁽¹⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	62,75%	62,75%	Kinh doanh bất động sản, thương mại, dịch vụ.
- Công ty Cổ phần In sách Hòa Phát ⁽²⁾	Thành phố Đà Nẵng	52,00%	52,00%	In ấn, phát hành sách

(1) Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty số 02/2020/NQ-ĐHCD ngày 26/04/2020, trong kỳ Công ty đã hoàn tất việc mua lại 62,75% cổ phần của Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer với giá mua 902,020 tỷ VND. Theo đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 62,75%.

(2) Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1404/2021/NQ-HDQT ngày 14/04/2021, trong kỳ Công ty đã hoàn tất việc mua lại 52,00% cổ phần của Công ty Cổ phần In sách Hòa Phát với giá mua 520 triệu VND, Công ty này hoạt động trong lĩnh vực in ấn với số vốn điều lệ tại thời điểm mua là 1 tỷ VND. Theo đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 52,00%.

Tình hình biến động các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn:

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
- Số dư đầu kỳ	78.476.105	49.257.564
- Trích lập dự phòng trong kỳ	-	44.349.283
- Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(60.777.645)	(15.130.742)
- Số dư cuối kỳ	17.698.460	78.476.105

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	288.928.973	-	396.086.066	-
- Công ty Cổ phần Văn hóa Nhân Văn	-	-	141.460.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	530.969.878	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	299.933.005	(99.176.443)	129.363.403	(99.176.443)
	<u>1.119.831.856</u>	<u>(99.176.443)</u>	<u>666.909.469</u>	<u>(99.176.443)</u>
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)	<u>995.670.453</u>	-	<u>396.086.066</u>	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo IRP	-	-	75.000.000	-
- Trả trước cho người bán khác	-	-	32.500.000	-
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>107.500.000</u>	<u>-</u>

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Xuân Thiên	12.600.000.000	-	12.605.000.000	-
	<u>12.600.000.000</u>	<u>-</u>	<u>12.605.000.000</u>	<u>-</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

Hợp đồng vay vốn số 09/2019/HĐVV ngày 25/12/2019, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên vay;
- + Thời hạn của hợp đồng: không xác định kỳ hạn, thời gian trả nợ gốc: trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên vay nhận được văn bản yêu cầu trả gốc của Bên cho vay;
- + Lãi suất cho vay: 8%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 12.600.000.000 VND
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về cổ phần hóa	1.000.000	-	1.000.000	-
Phải thu về lãi tiền cho vay	500.055.892	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	1.192.149	-	1.192.149	-
Tạm ứng	2.036.965.756	-	15.267.424	-
Phải thu khác	267.789.555	-	3.455.278	-
	<u>2.807.003.352</u>	<u>-</u>	<u>20.914.851</u>	<u>-</u>
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan	<u>2.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)

9 . NỢ XẤU

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần In và Sản xuất Bao bì Huế	44.273.200	13.281.960	44.273.200	13.281.960
- Nhà sách Bảo Ngọc	19.036.749	-	19.036.749	-
- Công ty Cổ phần Thông tin Kinh tế - Văn hóa Á Việt	13.500.000	-	13.500.000	-
- Các khoản khác	35.648.454	-	35.648.454	-
	<u>112.458.403</u>	<u>13.281.960</u>	<u>112.458.403</u>	<u>13.281.960</u>

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
- Số dư đầu kỳ	99.176.443	84.065.141
- Trích lập dự phòng trong kỳ	-	-
- Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
- Số dư cuối kỳ	<u>99.176.443</u>	<u>84.065.141</u>

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	359.351.701	(52.051.657)	401.235.421	(52.051.657)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	459.403.745	-	743.330.769	-
Hàng hoá	88.698.894	(17.739.779)	88.698.894	(17.739.779)
	<u>907.454.340</u>	<u>(69.791.436)</u>	<u>1.233.265.084</u>	<u>(69.791.436)</u>

Tình hình biến động các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
- Số dư đầu kỳ	69.791.436	-
- Trích lập dự phòng trong kỳ	-	-
- Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
- Số dư cuối kỳ	<u>69.791.436</u>	<u>-</u>

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	5.704.591.937	18.709.830.222	759.706.494	25.174.128.653
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(617.563.636)	(617.563.636)
Số dư cuối kỳ	<u>5.704.591.937</u>	<u>18.709.830.222</u>	<u>142.142.858</u>	<u>24.556.565.017</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	5.615.130.484	17.565.096.057	512.681.039	23.692.907.580
- Khấu hao trong kỳ	10.092.525	76.083.174	28.819.638	114.995.337
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(399.357.819)	(399.357.819)
Số dư cuối kỳ	<u>5.625.223.009</u>	<u>17.641.179.231</u>	<u>142.142.858</u>	<u>23.408.545.098</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	89.461.453	1.144.734.165	247.025.455	1.481.221.073
Tại ngày cuối kỳ	<u>79.368.928</u>	<u>1.068.650.991</u>	<u>-</u>	<u>1.148.019.919</u>

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 21.927.410.471 VND

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất tại địa chỉ 157 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, với diện tích là 3.242,5 m², thời gian sử dụng: lâu dài. Công ty đang thực hiện các thủ tục đề nghị UBND Thành phố Đà Nẵng, Sở Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng cập nhật quyền sử dụng đất từ Chi nhánh Nhà XBGD tại Đà Nẵng (tiền thân của Công ty) thành tên Công ty hoặc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới theo tên Công ty.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa tài sản	42.475.138	146.174.181
Công cụ dụng cụ xuất dùng	25.490.147	21.300.973
Chi phí mua bảo hiểm	18.836.244	17.653.330
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	249.998.644	5.838.712
	<u>336.800.173</u>	<u>190.967.196</u>
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa tài sản	67.880.470	118.884.356
	<u>67.880.470</u>	<u>118.884.356</u>

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Cơ khí Hoàng Hà	86.074.924	86.074.924	86.074.924	86.074.924
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Thành Thái	81.400.000	81.400.000	81.400.000	81.400.000
- Công ty TNHH A.67	-	-	63.103.700	63.103.700
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo IRP	155.000.000	155.000.000	-	-
- Công ty TNHH Thái Phú	69.971.216	69.971.216	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	201.147.560	201.147.560	219.597.440	219.597.440
	593.593.700	593.593.700	450.176.064	450.176.064
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan				
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)	1.260.000	1.260.000	2.910.000	2.910.000

Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Hòa Phát

157 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	18.397.596	266.446.457	194.328.715	-	90.515.338
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	40.058.015	-	2.036.835	32.667.901	70.689.081	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	6.974.381	527.750	986.774	-	6.515.357
Các loại thuế khác	-	1.000.000	5.000.000	6.000.000	-	-
	40.058.015	26.371.977	274.011.042	233.983.390	70.689.081	97.030.695

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . PHẢI TRẢ NGÁN HẠN KHÁC

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	3.138.902	3.138.902
- Kinh phí công đoàn	33.550.369	38.592.851
- Phải trả về nhận chuyển nhượng cổ phần	520.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	24.162.991	42.107.991
	580.852.262	83.839.744

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	18.049.800.000	(60.093.500)	(914.353.746)	1.914.347.993	625.978.112	19.615.678.859
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	278.246.912	278.246.912
Số dư cuối kỳ trước	18.049.800.000	(60.093.500)	(914.353.746)	1.914.347.993	904.225.024	19.893.925.771
Số dư đầu kỳ này	18.049.800.000	(60.093.500)	(914.353.746)	1.914.347.993	790.535.826	19.780.236.573
Tăng vốn trong kỳ này ⁽¹⁾	900.000.000.000	(64.135.374)	-	-	-	899.935.864.626
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	46.693.740	46.693.740
Tái phát hành cổ phiếu quỹ ⁽²⁾	-	1.810.556.254	914.353.746	-	-	2.724.910.000
Số dư cuối kỳ này	918.049.800.000	1.686.327.380	-	1.914.347.993	837.229.566	922.487.704.939

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
- Nguyễn Thị Kim Hiếu	27,23	250.000.000.000	0,00	-
- Võ Mỹ Tiên	27,23	250.000.000.000	0,00	-
- Mai Lê Hồng Sương	24,40	224.000.000.000	0,00	-
- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	0,42	3.816.000.000	21,14	3.816.000.000
- Công ty TNHH Đà Nẵng HQ Investment	0,34	3.150.000.000	17,45	3.150.000.000
- Các cổ đông khác	20,38	187.083.800.000	52,58	9.489.800.000
- Cổ phiếu quỹ	0,00	-	8,83	1.594.000.000
	100	918.049.800.000	100	18.049.800.000

(1) Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2020 đã quyết nghị thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ với việc chào bán số lượng 90.000.000 cổ phiếu cho các nhà đầu tư dự kiến theo danh sách để tăng vốn điều lệ, và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 0211/2020/NQ-HĐQT ngày 02/11/2020, Nghị quyết số 1012/2020/NQ-HĐQT ngày 10/12/2020 và Nghị quyết số 0501/2021/NQ-HĐQT ngày 05/01/2021. Công ty đã phát hành thành công số lượng 90.000.000 Cổ phiếu cho 07 cổ đông, thông tin chi tiết:

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành: 90.000.000 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu thực tế phát hành: 90.000.000 cổ phiếu;
- Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 900 tỷ VND;
- Danh sách 07 nhà đầu tư:
 - + Trịnh Ngọc Khánh mua 4.400.000 cổ phiếu;
 - + Hồng Bảo Ngân mua 4.400.000 cổ phiếu;
 - + Trương Hiền Vũ mua 4.400.000 cổ phiếu;
 - + Nguyễn Thu Thảo mua 4.400.000 cổ phiếu;
 - + Mai Lê Hồng Sương mua 22.400.000 cổ phiếu;
 - + Võ Mỹ Tiên mua 25.000.000 cổ phiếu;
 - + Nguyễn Thị Kim Hiếu mua 25.000.000 cổ phiếu.
- Mục đích sử dụng vốn: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành đã được dùng để mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer.

(2) Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 0402/2021/NQ-HĐQT ngày 04/02/2021 đã quyết nghị thông qua phương án bán cổ phiếu quỹ của Công ty và Báo cáo Kết quả giao dịch bán cổ phiếu quỹ số 01/BCKQ/CPQ-HTP ngày 24/03/2021, kết quả giao dịch bán cổ phiếu quỹ của Công ty như sau:

- Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký bán: 159.400 cổ phiếu;
- Số lượng đã thực hiện: 159.400 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu quỹ trước khi thực hiện giao dịch: 159.400 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu;
- Mục đích bán cổ phiếu quỹ: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Giá giao dịch bình quân: 17.095 đồng/cổ phiếu;
- Thời gian thực hiện: Từ ngày 25/02/2021 đến ngày 19/03/2021;
- Phương thức giao dịch: Giao dịch khớp lệnh và/hoặc thỏa thuận.

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	18.049.800.000	18.049.800.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	900.000.000.000	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	<u>918.049.800.000</u>	<u>18.049.800.000</u>

d) Cổ phiếu

	30/06/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	91.804.980	1.804.980
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	91.804.980	1.804.980
- Cổ phiếu phổ thông	91.804.980	1.804.980
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	159.400
- Cổ phiếu phổ thông	-	159.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	91.804.980	1.645.580
- Cổ phiếu phổ thông	91.804.980	1.645.580
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.914.347.993	1.914.347.993
	<u>1.914.347.993</u>	<u>1.914.347.993</u>

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Doanh thu in ấn, cắt rọc	3.727.288.493	5.242.044.524
Doanh thu khác	270.953.328	353.916.787
	<u>3.998.241.821</u>	<u>5.595.961.311</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)	<u>3.799.368.963</u>	<u>5.328.736.583</u>

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Giá vốn in ấn, cắt rọc	3.762.332.074	4.863.704.916
Giá vốn của hoạt động khác	2.275.000	131.382.612
	<u>3.764.607.074</u>	<u>4.995.087.528</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào:	<u>12.181.818</u>	<u>-</u>
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)		

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	510.714.918	534.028.810
Lãi bán các khoản đầu tư	30.596.392	25.850.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	38.546.400	47.066.000
	579.857.710	606.944.810

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	86.946.415	2.438.102
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(60.777.645)	29.218.541
Chi phí tài chính khác	-	7.283
	26.168.770	31.663.926

22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.659.091	-
Chi phí khác bằng tiền	18.009.091	2.000.000
	19.668.182	2.000.000

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.172.778	30.179.343
Chi phí nhân công	473.556.934	483.331.809
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.819.638	30.878.184
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	11.636.842
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.833.791	57.928.099
Chi phí khác bằng tiền	257.614.885	222.124.972
	794.998.026	836.079.249

24 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	54.521.456	-
Thu nhập khác	24.162.136	-
	78.683.592	-

25 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Các khoản bị phạt	1.910.496	-
Chi phí khác	700.000	1.626.622
	2.610.496	1.626.622

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	48.730.575	336.448.796
Các khoản điều chỉnh tăng	-	1.626.622
- Chi phí không hợp lệ	-	1.626.622
Các khoản điều chỉnh giảm	(38.546.400)	(47.066.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(38.546.400)	(47.066.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	10.184.175	291.009.418
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	2.036.835	58.201.884
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải thu đầu kỳ	40.058.015	69.385.111
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(32.667.901)	(3.340.805)
Thuế TNDN phải thu cuối kỳ	70.689.081	14.524.032

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	883.741.476	1.826.951.515
Chi phí nhân công	2.428.708.009	2.943.908.048
Chi phí khấu hao tài sản cố định	114.995.337	263.497.584
Chi phí dịch vụ mua ngoài	582.950.188	387.304.703
Chi phí khác bằng tiền	284.951.248	247.261.814
	4.295.346.258	5.668.923.664

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	640.817.779	-	3.158.680.390	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.926.835.208	(99.176.443)	687.824.320	(99.176.443)
Các khoản cho vay	12.600.000.000	-	12.605.000.000	-
Đầu tư dài hạn	1.259.992.882	(17.698.460)	595.372.905	(78.476.105)
	18.427.645.869	(116.874.903)	17.046.877.615	(177.652.548)
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác			1.174.445.962	534.015.808
			1.174.445.962	534.015.808

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2021				
Đầu tư dài hạn	-	1.242.294.422	-	1.242.294.422
	-	1.242.294.422	-	1.242.294.422
Tại ngày 01/01/2021				
Đầu tư dài hạn	-	516.896.800	-	516.896.800
	-	516.896.800	-	516.896.800

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	640.817.779	-	-	640.817.779
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.827.658.765	-	-	3.827.658.765
Các khoản cho vay	12.600.000.000	-	-	12.600.000.000
	17.068.476.544	-	-	17.068.476.544
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.158.680.390	-	-	3.158.680.390
Phải thu khách hàng, phải thu khác	588.647.877	-	-	588.647.877
Các khoản cho vay	12.605.000.000	-	-	12.605.000.000
	16.352.328.267	-	-	16.352.328.267

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2021				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.174.445.962	-	-	1.174.445.962
	1.174.445.962	-	-	1.174.445.962
Tại ngày 01/01/2021				
Phải trả người bán, phải trả khác	534.015.808	-	-	534.015.808
	534.015.808	-	-	534.015.808

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2021 VND	6 tháng đầu năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.799.368.963	5.328.736.583
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung chủ đầu tư	1.880.222.846	1.268.266.864
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Đơn vị trực thuộc Chủ đầu tư	1.577.535.570	2.761.827.514
Công ty Cổ phần sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Chung chủ đầu tư	254.715.547	277.438.746
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung chủ đầu tư	-	1.021.203.459
Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng	Chung chủ đầu tư	86.895.000	-
Mua hàng hóa, dịch vụ, chi phí thi công		12.181.818	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Trung	Chung chủ đầu tư	12.181.818	-
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:		30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		995.670.453	396.086.066
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung chủ đầu tư	530.969.878	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Đơn vị trực thuộc Chủ đầu tư	288.928.973	396.086.066
Công ty Cổ phần sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Chung chủ đầu tư	80.187.102	-
Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng	Chung chủ đầu tư	95.584.500	-
Phải thu ngắn hạn khác		2.000.000.000	-
Ông Lê Quốc Kỳ Quang	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	2.000.000.000	-
Phải trả cho người bán ngắn hạn		1.260.000	2.910.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung chủ đầu tư	-	1.650.000
Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông	Chung chủ đầu tư	1.260.000	1.260.000

Giao dịch với các bên liên quan khác: Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc không nhận thu nhập từ Công ty.

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam soát xét.



Mai Thị Thúy Kiều
Người lập



Đỗ Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Phạm Duy
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 30 tháng 07 năm 2021

